

# TÌNH TRẠNG THIẾU NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG DIỄN VÀ THIẾU MÁU DINH DƯỠNG Ở PHỤ NỮ 20-35 TUỔI NGƯỜI DÂN TỘC TÀY TẠI HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2017

*Trần Thị Hồng Vân<sup>1</sup>, Lê Thị Hương<sup>2</sup>*

Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 585 đối tượng với mục tiêu mô tả thực trạng thiếu năng lượng trường diễn và thiếu máu thiếu sắt ở phụ nữ người dân tộc Tày độ tuổi 20-35 tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. **Kết quả:** Tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn chung là 16,4% trong đó tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn mức độ nhẹ, trung bình lần lượt: 13,2% và 3,2%. Thiếu máu chung chiếm tỷ lệ 25,5% trong đó tỷ lệ thiếu máu mức độ nhẹ 21,7%; trung bình là 3,8%. Thiếu máu do thiếu sắt chiếm tỷ lệ cao 45,0%. **Kết luận:** Tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn và thiếu máu dinh dưỡng ở phụ nữ người dân tộc Tày ở mức tương đối cao.

**Từ khóa:** *Thiếu năng lượng trường diễn, thiếu máu dinh dưỡng, phụ nữ 20-35 tuổi, dân tộc Tày, Thái Nguyên.*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thiếu năng lượng trường diễn và thiếu máu vẫn đang là vấn đề thời sự, có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng tại các nước nghèo [1]. Thiếu máu ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sẽ là nguy cơ hàng đầu làm gia tăng tỷ lệ suy dinh dưỡng bào thai cũng như các tai biến sản khoa trong thời kì mang thai. Thống kê năm 2011 của các Tổ chức Y tế thế giới, hiện có khoảng 528,7 triệu phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ bị thiếu máu chiếm 29,4% [1]. Tại Việt Nam, theo điều tra vi chất 2014-2015 của Viện Dinh dưỡng quốc gia cho thấy thiếu máu ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ cũng còn cao 25,5% trong đó tập trung cao hơn ở miền núi và nông thôn (27,9%; 26,3%) và thấp hơn ở khu vực đồng bằng 20,8% [2]. Dân tộc Tày ở Thái Nguyên sống tập trung chủ yếu ở các khu vực miền núi khó khăn trong đó có huyện Phú Lương [3].

Các số liệu nghiên cứu về tình hình thiếu năng lượng trường diễn và thiếu máu dinh dưỡng ở phụ nữ người dân tộc Tày trong độ tuổi sinh đẻ nơi đây còn ít. Vì vậy, nghiên cứu này đã được tiến hành với mục tiêu: Mô tả thực trạng thiếu năng lượng trường diễn và thiếu máu thiếu sắt ở phụ nữ người dân tộc Tày độ tuổi 20-35 tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

## II. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Phụ nữ trong độ tuổi 20- 35 tuổi người dân tộc Tày.

Tiêu chuẩn loại trừ: Phụ nữ bị dị tật, mắc các bệnh về máu hoặc các bệnh mạn tính ảnh hưởng đến tình trạng thiếu máu. Phụ nữ mang thai tại thời điểm bắt đầu và trong suốt quá trình nghiên cứu. Những phụ nữ từ chối tham gia.

<sup>1</sup>BS. Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên  
Email: hypocrateyk88@gmail.com

<sup>2</sup>GS.TS. Trường Đại học Y Hà Nội

Ngày nhận bài 25/2/2019

Ngày phản biện đánh giá 5/3/2019

Ngày đăng bài: 29/3/2019

## 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- *Thời gian nghiên cứu:* Từ tháng 3/2017 đến tháng 9/2017.

- *Địa điểm:* Tại hai xã Phú Lý và xã Hợp Thành, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

## 2.3. Phương pháp nghiên cứu

*Phương pháp:* Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

*Cỡ mẫu nghiên cứu:* Dựa vào tỷ lệ thiếu máu thiếu sắt ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ của nghiên cứu trước 31,9% chúng tôi tính ra cỡ mẫu để tiến hành điều tra ban đầu là 600 phụ nữ người dân tộc Tày trong độ tuổi 20-35 của hai xã nhằm đánh giá tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn, thiếu máu thiếu sắt [4]; Và trên thực tế có 585 đối tượng phụ nữ đã được điều tra.

*Chọn mẫu:* Áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống trên cơ sở tổng số phụ nữ trong độ tuổi 20-35 người dân tộc Tày của hai xã, chọn đến khi đủ số phụ nữ đáp ứng được các tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu.

*Kỹ thuật thu thập thông tin:* Phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu để thu thập

các thông tin chung của đối tượng về nhân khẩu học, xã hội học. Đối tượng được đo chiều cao bằng thước gỗ (Độ chính xác 0,1 cm) ở tư thế đứng thẳng; cân nặng được đo bằng cân TZ-120D Horse Head (Độ chính xác 0,1kg) khi đối tượng nghiên cứu mặc ít quần áo, không mang giày dép và các phụ kiện khác; Đối tượng được lấy 4 ml máu vào buổi sáng để xét nghiệm Hemoglobin và Ferritin huyết thanh bằng phương pháp miễn dịch, đo độ đục tại khoa Xét nghiệm bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

*Chỉ tiêu đánh giá thiếu năng lượng trường diễn, thiếu máu, thiếu sắt:* Đánh giá tình trạng thiếu năng lượng trường diễn dựa vào chỉ số là BMI < 18,5 kg/m<sup>2</sup>; thiếu máu, thiếu máu thiếu sắt dựa vào hai chỉ tiêu là Hemoglobin < 120 g/l và Ferritin < 30 µg/l [1].

*Kỹ thuật xử lý và phân tích số liệu:* Số liệu nghiên cứu được thu thập, làm sạch và sau đó được nhập vào phần mềm Epi-data 3.1. Các biến định tính được phân tích bằng tỷ lệ %, test  $\chi^2$  và biến số định lượng được phân tích bằng số trung bình, độ lệch chuẩn trên phần mềm STATA 13.0

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhóm tuổi (n=585)**

	Đặc điểm	n	%
Nhóm tuổi	20 - 24	98	16,6
	25 - 29	137	23,6
	30-35	350	59,8
<b>Tổng số</b>		<b>585</b>	<b>100,0</b>

Kết quả cho thấy đối tượng tham gia nghiên cứu thuộc nhóm 30-35 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (59,8%), tiếp đến là nhóm

tuổi từ 25-29 chiếm 23,6%, còn lại nhóm tuổi 20-24 chiếm 16,6%.

**Bảng 2. Một số chỉ số nhân trắc của đối tượng nghiên cứu (n=585)**

Chỉ số	$\bar{X} \pm SD$
Cân nặng trung bình (kg)	48,5 ± 5,9
Chiều cao trung bình (cm)	152 ± 5,0
BMI trung bình (kg/m <sup>2</sup> )	20,9 ± 2,3

Cân nặng, chiều cao trung bình của đối tượng nghiên cứu lần lượt là 48,5 ± 5,9 kg, 152 ± 5,0 cm. Phụ nữ trong độ tuổi từ 20-35 người dân tộc Tày có BMI trung bình đạt 20,9 ± 2,3 kg/m<sup>2</sup>.

**Bảng 3. Tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn (CED) phụ nữ từ 20-35 tuổi người dân tộc Tày (n=585)**

CED	n	%
CED mức độ nhẹ	77	13,2
CED mức độ trung bình	19	3,2
<b>Tổng số</b>	<b>96</b>	<b>16,4</b>

Tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn (CED) chung của phụ nữ từ 20-35 tuổi người dân tộc Tày trong nghiên cứu này là 16,4% trong đó thiếu năng lượng trường diễn mức độ nhẹ chiếm tỷ lệ chủ

yếu 13,2% còn lại 3,2% là mức độ trung bình. Không có đối tượng tham gia nghiên cứu nào có mức thiếu năng lượng trường diễn nặng.

**Bảng 4. Nồng độ Hemoglobin, Ferritin trung bình của đối tượng nghiên cứu (n=585)**

Chỉ số	$\bar{X} \pm SD$
Hb trung bình (g/l)	126,6 ± 12,6
Ferritin trung bình (µg/l)	76,9 ± 63,5

Nồng độ Hemoglobin trung bình của đối tượng tham gia nghiên cứu là 126,6 ± 12,6 g/l và Ferritin huyết thanh có nồng độ trung bình là 76,9 ± 63,5 µg/l.

**Bảng 5. Tỷ lệ thiếu máu theo nhóm tuổi ở phụ nữ trong độ tuổi 20-35 người dân tộc Tày (n=585)**

Nhóm tuổi	Thiếu máu (Hb < 120 g/l)		p
	n	%	
20 – 24 (n =98)(1)	25	25,5	p <sub>chung</sub> > 0,05
25 – 29 (n =137)(2)	36	26,3	p <sub>1&amp;2</sub> > 0,05
30 – 35 (n =350)(3)	88	25,1	p <sub>1&amp;3</sub> > 0,05
<b>Tổng số</b>	<b>149</b>	<b>25,5</b>	

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ người dân tộc Tày độ tuổi 20-35 là 25,5% và ở mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng, tỷ lệ thiếu máu giữa các

nhóm tuổi chưa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ,  $\chi^2$  test).

**Bảng 6. Phân loại mức độ thiếu máu theo nhóm tuổi ở phụ nữ từ 20-35 người dân tộc Tày (n=585)**

Nhóm tuổi	Thiếu máu mức độ nhẹ ( $100 \leq \text{Hb} < 120$ g/l)		Thiếu máu mức độ trung bình ( $70 \leq \text{Hb} < 100$ g/l)	
	SL	%	SL	%
20 – 24 (n =98)	20	20,4	5	5,1
25 – 29 (n =137)	31	22,6	5	3,7
30 – 35 (n =350)	76	21,7	12	3,4
<b>Tổng số</b>	<b>127</b>	<b>21,7</b>	<b>22</b>	<b>3,8</b>

Kết quả nghiên cứu bảng 6 cho thấy mức độ thiếu máu nhẹ ở phụ nữ người dân tộc Tày chiếm tỷ lệ cao (21,7%) trong đó nhóm tuổi 25-29 chiếm tỷ lệ cao

nhất 22,6%. Thiếu máu mức độ trung bình chiếm 3,8% và tập trung chủ yếu ở nhóm tuổi 20-24 (5,1%) và không có trường hợp thiếu máu nặng.

**Bảng 7. Tình trạng thiếu máu thiếu sắt của phụ nữ từ 20-35 người dân tộc Tày (n=585)**

Chỉ số	Thiếu máu Hb < 120 g/l		Không thiếu máu Hb $\geq$ 120 g/l	
	n	%	n	%
Dự trữ sắt thấp Feritin < 30 $\mu\text{g/l}$	67	45,0	80	18,4
Dự trữ sắt bình thường Feritin $\geq$ 30 $\mu\text{g/l}$	82	55,0	356	81,6
<b>Tổng số</b>	<b>149</b>	<b>100,0</b>	<b>436</b>	<b>100,0</b>

Những đối tượng nghiên cứu có thiếu máu nguyên nhân do thiếu sắt chiếm 45,0% và ở những đối tượng không có thiếu máu thì tình trạng thiếu dự trữ sắt cũng chiếm một tỷ lệ khá cao 18,4%.

## BÀN LUẬN

Nghiên cứu được tiến hành tại hai xã thuộc huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên trên các đối tượng là phụ nữ trong độ tuổi 20-35 người dân tộc Tày chỉ ra rằng tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn, thiếu máu và thiếu máu thiếu sắt khá cao.

Phụ nữ trong độ tuổi 20-35 người dân tộc Tày có chiều cao trung bình  $152 \pm 5,0$

cm thấp hơn chiều cao trung bình của người trưởng thành Việt Nam  $1,3$  cm ( $153,3 \pm 5,5$  cm) và cũng thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của một số tác giả trong nước khác [5],[6],[7].

Tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn ở phụ nữ tuổi sinh đẻ người dân tộc Tày trên địa bàn nghiên cứu là 16,4% và ở mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn mức trung bình chung của cả nước (15,1%) và cao hơn đáng kể so với kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Quang Dũng và cộng sự năm 2016 trên 144 phụ nữ tuổi sinh đẻ người H'Mông tại huyện Bảo Lạc, Cao Bằng (2,1%). Sự

khác biệt này có thể do cân nặng của các đối tượng trong hai nghiên cứu gần tương đương nhau ( $48,5 \pm 5,9$  kg;  $48,1 \pm 5,2$  kg) nhưng chiều cao của phụ nữ trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Quang Dũng lại thấp hơn ( $148,5 \pm 4,2$  cm;  $152 \pm 5,0$  cm) dẫn đến BMI của phần lớn phụ nữ tuổi sinh đẻ người H'Mông nằm trong giới hạn bình thường [5].

Nồng độ Hemoglobin trung bình của đối tượng tham gia nghiên cứu là  $126,6 \pm 12,6$  g/l. Nồng độ ferritin huyết thanh trung bình là  $76,9 \pm 63,5$   $\mu$ g/l. So sánh với nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Quang Dũng và Trần Thúy Nga trên phụ nữ tuổi sinh đẻ người H'Mông năm 2015, thì kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn một chút ( $122,1 \pm 15,3$  g/l;  $74,0 \pm 60,7$   $\mu$ g/l). Sự khác biệt này có thể do nhiều nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ khác nhau chưa được làm rõ. Tuy nhiên vấn đề thời gian, địa điểm khác nhau cũng liên quan nhiều đến kinh tế, xã hội của địa phương và gián tiếp ảnh hưởng đến chất lượng các thành phần tạo máu cũng như tỷ lệ thiếu máu nói chung [4].

Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ người dân tộc Tày độ tuổi 20-35 khá cao 25,5% và ở mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng. Kết quả nghiên cứu này thấp hơn so với nghiên cứu của một số tác giả nhưng vẫn ở mức trung bình chung của cả nước (25,5%) [2], [4], [7].

Mức độ thiếu máu nhẹ ở phụ nữ người dân tộc Tày chiếm 21,7% trong đó nhóm tuổi 25-29 chiếm tỷ lệ cao nhất 22,6%. Thiếu máu mức độ trung bình chiếm 3,8% và tập trung chủ yếu ở nhóm tuổi 20-24 (5,1%). Không có trường hợp nào thiếu máu nặng. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự với nhận xét của một số tác giả trong nước [4],[7],[8].

Phụ nữ trong độ tuổi 20-35 người dân tộc Tày có tình trạng thiếu máu có

nguyên nhân do thiếu sắt chiếm một tỷ lệ cao 45,0%, ở những đối tượng không có thiếu máu nhưng tình trạng thiếu dự trữ sắt cũng chiếm một tỷ lệ khá cao 18,4%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng trùng hợp với nghiên cứu của tác giả Lê Minh Chính năm 2010 và Nguyễn Quang Dũng năm 2015 [4],[9].

#### IV. KẾT LUẬN

1. Tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn ở phụ nữ trong độ tuổi 20-35 người dân tộc Tày tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái nguyên là 16,4% trong đó thiếu năng lượng trường diễn mức độ nhẹ, trung bình lần lượt là 13,2%; 3,2%.

2. Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ trong độ tuổi 20-35 người dân tộc Tày là 25,5% trong đó thiếu máu mức độ nhẹ là 21,7% và mức độ trung bình là 3,8%; không có thiếu máu mức độ nặng. Tỷ lệ thiếu máu do nguyên nhân thiếu sắt ở phụ nữ trong độ tuổi 20-35 người dân tộc Tày tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái nguyên là 45,0%.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization (2015). *The global prevalence of anemia in 2011*. WHO, Geneva, Switzerland.
2. Bộ Y tế (2016). *Tình hình dinh dưỡng, chiến lược can thiệp 2011-2015 và định hướng 2016-2020*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Tỉnh Ủy – UBND tỉnh Thái Nguyên (2009). *Địa chí Thái Nguyên*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Quang Dũng, Trần Thúy Nga (2015). *Thiếu máu thiếu sắt ở phụ nữ tuổi sinh đẻ người H'Mông tại một số xã thuộc huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng*. Tạp chí nghiên cứu Y học, 96(4): 107-113.
5. Bộ Y tế - Viện Dinh dưỡng, UNICEF (2010). *Tổng điều tra dinh dưỡng 2009-2010*. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

6. Phạm Thị Thu Hiền, Trần Thị Minh Hạnh (2014). *Tình trạng thiếu năng lượng trường diễn ở nữ công nhân từ 18-49 tuổi tại công ty cổ phần cao su Hòa Bình năm 2013*. Tạp chí nghiên cứu Y học TP. Hồ Chí Minh, 18(6): 622-626.
7. Hồ Thu Mai (2013). *Hiệu quả của truyền thông giáo dục và bổ sung viên Sắt/Folic đối với tình trạng dinh dưỡng và thiếu máu của phụ nữ 20-35 tuổi tại 3 xã huyện Tân Lạc tỉnh Hòa Bình*. Viện Dinh dưỡng. Luận án tiến sĩ Dinh dưỡng, Chuyên ngành dinh dưỡng.
8. Đinh Thị Phương Hoa (2013). *Tình trạng dinh dưỡng, thiếu máu và hiệu quả bổ sung sắt hàng tuần ở phụ nữ 20-35 tuổi tại huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang*. Viện Dinh dưỡng. Luận án tiến sĩ Dinh dưỡng, Chuyên ngành Dinh dưỡng.
9. Lê Minh Chính (2010). *Thực trạng thiếu máu ở phụ nữ Sán Dìu trong thời kỳ mang thai tại huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên và hiệu quả của biện pháp can thiệp*. Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên, Luận án Tiến sĩ y học, Chuyên ngành vệ sinh học xã hội và tổ chức y tế.

## Summary

### CHRONIC ENERGY DEFICIENCY AND NUTRITIONAL ANEMIA STATUS OF TAY ETHNIC MINORITY'S WOMEN AGED 20-35 YEARS OLD IN PHU LUONG DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE IN 2017

A cross-sectional, descriptive study was conducted on 585 subjects to describe nutritional anemia status in Tay ethnic minority women aged 20-35 in Phu Luong District, Thai Nguyen Province. **Results:** The overall chronic energy deficiency rate was 16.4%, in which the corresponding proportions of mild and moderate chronic energy deficiency were 13.2% and 3.2%. The anemia prevalence was 25.5%, in which the proportions of mild and moderate anemia were 21.7% and 3.8%, respectively. Iron deficiency anemia was accounted for a high proportion of 45.0%. **Conclusion:** The prevalence of chronic energy deficiency and nutritional anemia was relatively high in Tay ethnic minority's women.

**Keywords:** *Chronic Energy Deficiency, nutritional anemia, 20-35 years old women, Tay ethnic, Thai Nguyen.*

